

GIẢI TRÌNH
BIẾN ĐỘNG SAU KIỂM TOÁN KẾT QUẢ KINH DOANH
NĂM 2018

- Căn cứ quy định của pháp luật về công bố thông tin và căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA (viết tắt là “IPA”) xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh lũy kế năm 2018 sau kiểm toán như sau: (đơn vị: đồng)

I. Báo cáo tài chính riêng

1. Số lũy kế năm 2018 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	10.766.314.223	10.553.482.873	(212.831.350)	-2%
2	Giá vốn hàng bán	10.771.055.478	10.325.629.728	(445.425.750)	-4%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	65.298.505.079	17.478.416.104	(47.820.088.975)	-73%
4	Chi phí tài chính	40.698.721.340	41.815.545.481	1.116.824.141	-3%
5	Chi phí bán hàng			-	0%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.895.473.663	4.820.925.620	(74.548.043)	-2%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.207.937.609	(28.930.119.209)	(49.138.056.818)	-243%

Năm 2018, lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 49 tỷ tương ứng với 243% so với cùng kỳ năm trước do:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 47,8 tỷ đồng tương ứng với 73% chủ yếu do năm 2017 công ty ghi nhận khoản lãi từ bán công ty con 60 tỷ; đồng thời năm 2018 nhận cổ tức từ các công ty 13,5 tỷ đồng.

2. Kết quả kinh doanh sau kiểm toán so với trước kiểm toán

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 Trước kiểm toán	Năm 2018 Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	10.553.482.873	10.553.482.873	-	0%
2	Giá vốn hàng bán	10.325.629.728	10.325.629.728	-	0%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	27.821.802.682	17.478.416.104	(10.343.386.578)	-37%
4	Chi phí tài chính	(2.263.483.203)	41.815.545.481	44.079.028.684	1947%
5	Chi phí bán hàng			-	0%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.820.925.620	4.820.925.620	-	0%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.492.296.053	(28.930.119.209)	(54.422.415.262)	-213%

Kết quả kinh doanh sau kiểm toán năm 2018 giảm so với kết quả kinh doanh trước kiểm toán 54,4 tỷ đồng tương ứng 213% do:

- Doanh thu hoạt động tài chính trong năm giảm 10,3 tỷ đồng tương ứng với 37% do Công ty con điều chỉnh số liệu tạm phân phối lợi nhuận 06 tháng theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Chi phí tài chính tăng 44 tỷ tương ứng với 1947% do trích lập dự phòng khoản đầu tư theo Báo cáo tài chính của công ty con đã được kiểm toán.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất

1. Số lũy kế năm 2018 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	2.706.135.956.810	1.057.126.902.631	(1.649.009.054.179)	-61%
2	Giá vốn hàng bán	2.587.260.528.044	966.772.300.244	(1.620.488.227.800)	-63%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	143.087.496.057	116.568.910.971	(26.518.585.086)	-19%
4	Chi phí tài chính	113.832.972.366	88.087.684.065	(25.745.288.301)	-23%
5	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	120.481.774.844	(8.659.207.757)	(129.140.982.601)	-107%
6	Chi phí bán hàng	4.675.028.217	8.674.706.061	3.999.677.844	86%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.516.850.236	26.299.980.565	783.130.329	3%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	218.205.688.979	53.385.328.084	(164.820.360.895)	-76%

Năm 2018, lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 164 tỷ đồng tương ứng với 76% so với cùng kỳ năm trước do:

- Doanh thu thuần giảm 1.649 tỷ đồng tương ứng với 61% do giảm doanh thu từ kinh doanh thẻ 1.636 tỷ; doanh thu bán điện thương phẩm giảm 14,8 tỷ và doanh thu bán hàng hóa tăng 6 tỷ.
- Giá vốn hàng bán giảm 1.620 tỷ đồng tương ứng với 63% chủ yếu do giá vốn từ kinh doanh thẻ giảm tương ứng 1.624 tỷ và giá bán hàng hóa tăng 3 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 26,5 tỷ đồng tương ứng với 19% chủ yếu do thu nhập lãi vay giảm 33,2 tỷ đồng. Trong năm cổ tức nhận được tăng 62,5 tỷ đồng và năm 2017 công ty có lợi nhuận từ bán công ty con 57,8 tỷ đồng.
- Chi phí tài chính giảm 25,7 tỷ đồng tương ứng với 23% chủ yếu do giảm chi phí lãi vay của các công ty con 27 tỷ đồng và dự phòng giảm giá chứng khoán tăng 1,1 tỷ đồng.
- Thu nhập từ công ty liên kết giảm 129 tỷ đồng do ảnh hưởng của kết quả kinh doanh tại các công ty liên kết trong kì.
- Chi phí bán hàng tăng 4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 86%, chủ yếu do tăng chi phí tiền lương 3,3 tỷ và các chi phí khác tăng 0,7 tỷ đồng.

2. Kết quả kinh doanh sau kiểm toán so với trước kiểm toán

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 Trước kiểm toán	Năm 2018 Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	1.057.126.902.631	1.057.126.902.631	-	0%
2	Giá vốn hàng bán	966.763.073.238	966.772.300.244	9.227.006	0%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	116.531.810.193	116.568.910.971	37.100.778	0%
4	Chi phí tài chính	88.087.684.065	88.087.684.065	-	0%
5	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	47.415.420.005	(8.659.207.757)	(56.074.627.762)	-118%
6	Chi phí bán hàng	7.402.549.436	8.674.706.061	1.272.156.625	17%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.233.581.931	26.299.980.565	(933.601.366)	-3%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	128.470.172.834	53.385.328.084	(75.084.844.750)	-58%

Kết quả kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán năm 2018 giảm so với kết quả kinh doanh trước kiểm toán giảm 75 tỷ đồng tương ứng 58% do:

- Kết quả kinh doanh từ công ty liên kết giảm 56 tỷ đồng tương ứng với 118% chủ yếu do hợp nhất công ty liên kết theo Báo cáo tài chính của công ty liên kết đã được phê duyệt.
- Chi phí bán hàng tăng 1,2 tỷ đồng tương ứng với 17% do tăng chi phí dịch vụ mua ngoài.

Trên đây là các giải trình về sự thay đổi Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư IPA.

Trân trọng.

T/M CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.



VŨ HIỀN